

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2022/HNGĐ-PT

Ngày: 24/8/2022

V/v: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Tạ Văn Vinh.

Các Thẩm phán: ông Nguyễn Tử Lượng và ông Đinh Huy Lưỡng.

- *Thư ký phiên tòa:* bà Nguyễn Thị Ngọc Liên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa:* bà Phạm Thị Thanh Mơ - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 03/2022/TLPT-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2022 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn*”.

Do Bản án sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 15 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện H bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 6 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 02/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: anh Hoàng Đình T, sinh năm 1992.

Địa chỉ: số 15, ngõ 154, đường H, phường T, quận T, thành phố H.

2. Bị đơn: chị Nguyễn Thị Hải H, sinh năm 1992.

ĐKHKT: xóm T, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình

Địa chỉ: số nhà 02, ngõ 215/17 xóm C, xã T, huyện T, thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Bị đơn: Luật sư Trần Đức Thành thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn LEGALZONE.

Địa chỉ: P1603, sảnh A3, tòa Ecolife, số 58 Tố Hữu, phường T, quận N, thành phố H.

3. Người kháng cáo: bị đơn, chị Nguyễn Thị Hải H.

Tại phiên tòa có mặt chị Nguyễn Thị Hải H; Luật sư Trần Đức Thành vắng mặt không có lý do; anh Hoàng Đình T có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, nguyên đơn anh Hoàng Đình T trình bày:

Anh và chị Nguyễn Thị Hải H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình ngày 24/5/2019 nhưng chưa tổ chức cưới hỏi theo phong tục truyền thống. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại chung cư K, quận C, thành phố H từ tháng 3/2020, được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính tình không hợp, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tin tưởng và nghi ngờ nhau. Chị Nguyễn Thị Hải H đối xử với mẹ anh không đúng mực. Tháng 12 năm 2020, chị Nguyễn Thị Hải H mang theo đồ đạc của vợ chồng, bé con chung về nhà bố mẹ đẻ tại xã N, huyện H để ở và thay đổi nhiều nơi ở khác nhau, anh không biết địa chỉ để liên lạc. Từ đó đến nay, vợ chồng sống ly thân. Anh xác định anh và chị Nguyễn Thị Hải H không còn tình cảm với nhau, không thể tiếp tục chung sống với chị Nguyễn Thị Hải H nên yêu cầu tòa án giải quyết được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hải H.

Anh và chị Nguyễn Thị Hải H có 01 con chung là Hoàng Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 09/6/2020. Hiện nay cháu Tuệ A đang sống cùng chị Nguyễn Thị Hải H. Khi ly hôn, anh muốn được trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu chị Nguyễn Thị Hải H phải cấp dưỡng nuôi con nhưng do cháu còn nhỏ nên anh đồng ý để chị Nguyễn Thị Hải H là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tại các buổi hòa giải, anh đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung 6 tháng một lần với mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng, mức cấp dưỡng này đã đảm bảo cho con chung được sống trong môi trường tốt, ổn định tại thành phố H. Hiện tại, anh là nhân viên văn phòng công ty S có thu nhập từ 6.000.000 đồng đến 8.000.000 đồng/tháng. Chị Nguyễn Thị Hải H đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con 15.000.000 đồng/tháng để cho con chung được sống trong môi trường tốt nhất là không khả thi vì thu nhập của chị Nguyễn Thị Hải H và anh không ổn định. Chị Nguyễn Thị Hải H đề nghị anh cấp dưỡng 5 năm/lần là vượt quá khả năng của anh, anh không đồng ý. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh xin thay đổi phương thức áp dưỡng từ 6 tháng/lần thành 1 tháng/lần.

Anh và chị Nguyễn Thị Hải H không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị tòa án giải quyết.

Tại Bản tự khai và quá trình giải quyết tại cấp sơ thẩm, bị đơn, chị Nguyễn Thị Hải H trình bày:

Quá trình kết hôn, thời gian chung sống, thời gian vợ chồng sống ly thân như anh Hoàng Đình T trình bày là đúng. Nhưng nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do từ tháng 10 năm 2020, anh Hoàng Đình T bỏ bê không quan tâm vợ con, thường xuyên bỏ đi qua đêm, không về nhà. Chị cũng nghe có thông tin anh

Hoàng Đình T có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Vợ chồng đã tìm cách nói chuyện với nhau để tìm cách giải quyết nhưng mâu thuẫn không chấm dứt. Tháng 02 năm 2021, anh Hoàng Đình T đuổi chị ra khỏi nhà nên chị bế con về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Tiến Thịnh, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình sinh sống. Chị xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đề nghị Tòa án giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Hoàng Đình T. Tại buổi hòa giải ngày 08/7/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm chị bổ sung ý kiến: chỉ đồng ý ly hôn với điều kiện anh Hoàng Đình T cấp dưỡng nuôi con chung theo yêu cầu của chị.

Chị và anh Hoàng Đình T có 01 con chung như anh Hoàng Đình T trình bày là đúng. Hiện nay cháu vẫn ở cùng với chị. Hàng tháng, chi phí cho việc nuôi dưỡng cháu Tuệ A hết khoảng 20.000.000 đồng gồm: tiền sữa từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng, tiền thuê người chăm sóc ban ngày 6.000.000 đồng, tiền thuê nhà 10.000.000 đồng, tiền ăn 3.000.000 đồng, tiền hoa quả 3.000.000 đồng, tiền bỉm 1.500.000 đồng, tiền quần áo 2.000.000 đồng, tiền thuốc men 1.500.000 đồng.... chưa kể tiền học và lúc ốm đau. Hiện nay, chị đang kinh doanh quần áo thời trang tại nhà, thu nhập khoảng 25.000.000 đồng/tháng, anh Hoàng Đình T có công ty riêng. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, anh Hoàng Đình T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung 05 năm/lần với mức 15.000.000 đồng/tháng đến khi cháu Tuệ A đủ 18 tuổi để con có điều kiện sinh sống, học tập tốt nhất tại Thành phố H.

Chị và anh Hoàng Đình T không có tài sản chung, công nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại Đơn đề nghị ngày 22/9/2021, chị Nguyễn Thị Hải H đề nghị Tòa án nhân dân huyện H chuyển hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân huyện T, thành phố H để giải quyết theo thẩm quyền vì hiện tại chị đã chuyển tạm trú đến địa chỉ xóm C, Tân Triều, Thanh Trì, Thành phố H, không còn cư trú tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình.

Tại Đơn xin xác nhận cư trú ngày 16/3/2022 của chị Nguyễn Thị Hải H, Công an xã T, huyện T, thành phố H xác nhận: chị Nguyễn Thị Hải H có khai báo cư trú tại địa chỉ trên (*xóm C, xã T, huyện T*). Nhưng hiện nay đã chuyển đi không còn sinh sống ở địa chỉ trên. Thời gian cư trú từ tháng 01 năm 2021 đến tháng 6 năm 2021.

Tại phiên tòa sơ thẩm, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn có ý kiến: tại thời điểm Tòa án nhân dân huyện H thụ lý vụ án, chị Nguyễn Thị Hải H đang cư trú tại xóm C, Tân Triều, Thanh Trì, Thành phố H theo nội dung xác nhận tại đơn xin xác nhận đề ngày 22/9/2021 của chị Nguyễn Thị Hải H; đơn xin xác nhận cư trú đề ngày 16/3/2022 của Công ty Luật TNHH Legalzone có xác nhận của công an xã T, huyện T, Thành phố H. Căn cứ khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 41 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc

Toà án nhân dân huyện T, thành phố H. Đề nghị Toà án nhân dân huyện H chuyển hồ sơ vụ án đến Toà án nhân dân huyện T để giải quyết theo đúng thẩm quyền. Đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết các yêu cầu sau của bị đơn:

1. Hủy bỏ các biên bản trước đây chị Nguyễn Thị Hải H đã ký tại Tòa án;
2. Bổ sung yêu cầu chia tài sản, các khoản tiết kiệm của anh Hoàng Đình T, chị Nguyễn Thị Hải H trong thời kỳ hôn nhân;
3. Triệu tập đương sự liên quan đến tài khoản tiết kiệm 500 triệu đồng chị Nguyễn Thị Hải H đã chuyển cho em trai anh Hoàng Đình T là Hoàng Đình Tiến;
4. Yêu cầu Tòa án kiểm tra tài sản chung tại công ty S, mã số thuế 0109180470;
5. Yêu cầu Tòa án kiểm tra và sao kê tài khoản mang tên anh Hoàng Đình T tại các ngân hàng Vietcom bank, Techcom bank;
6. Yêu cầu Tòa án cho thu thập các tài liệu về các khoản tiền liên quan đến các đơn hàng của công ty S là công ty cổ phần của 3 thành viên là Anh T, anh Đạt và anh Tiến, mã số thuế 0109180470 thành lập trong thời kỳ hôn nhân của anh Hoàng Đình T và chị Nguyễn Thị Hải H. Trong đó, các yêu cầu từ 3 đến 6 là yêu cầu cụ thể để Tòa án tập trung làm rõ tài sản chung của vợ chồng anh Hoàng Đình T, chị Nguyễn Thị Hải H do có dấu hiệu tẩu tán tài sản của anh Hoàng Đình T trong thời kỳ hôn nhân. Ý kiến của nguyên đơn về mức thu nhập là không đúng, Hợp đồng lao động do anh Hoàng Đình T cung cấp là ngụy tạo (*hợp đồng không có chữ ký của người lao động, không có dấu giáp lai giữa các tờ*). Chị Nguyễn Thị Hải H chỉ mong muốn có mức sống tốt nhất cho con, phù hợp với thu nhập của anh Hoàng Đình T do anh Hoàng Đình T và chị Nguyễn Thị Hải H trước đây đã thỏa thuận. Chị Nguyễn Thị Hải H tin tưởng vào sự thống nhất của anh Hoàng Đình T và bị áp lực trong việc nuôi con nên đã ký vào các biên bản hòa giải mà không chú ý đến các nội dung khác.

Tại Biên bản xác minh ngày 28/6/2021, Công an xã N, huyện H cung cấp: chị Nguyễn Thị Hải H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Tiến Thịnh, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Tháng 6 năm 2021, chị Nguyễn Thị Hải H đăng ký thường trú cho con là Hoàng Nguyễn Tuệ A tại thôn Tiến Thịnh, xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị Hải H chủ yếu sinh sống ở Thành phố H nên địa phương không nắm rõ hoàn cảnh gia đình và nguyên nhân mâu thuẫn của vợ chồng chị Nguyễn Thị Hải H.

Tại Biên bản xác minh ngày 04/3/2022, công an xã T, huyện T, thành phố H có nội dung: chị Nguyễn Thị Hải H hiện thuê trọ tại ngách 215/17 xóm C, xã T, huyện T, thành phố H, đã khai báo tạm trú từ tháng 02 năm 2021 nhưng chưa đủ điều kiện để đăng ký tạm trú.

Tại Bản án sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 15/4/2022, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

- Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Hoàng Đình T và chị Nguyễn Thị Hải H.

- Về con chung, xử: Giao con chung là cháu Hoàng Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 09/6/2020 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Anh T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị H với mức 5.000.000 đồng/tháng, 6 tháng cấp dưỡng một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tuệ A đủ 18 tuổi. Anh T có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở và không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của chị H. Khi cần thiết, Anh T, chị H có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày chị H có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, Anh T còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, Bản án còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo và điều kiện thi hành án cho các đương sự.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, chị Nguyễn Thị Hải H có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để giải quyết lại theo quy định chung với lý do:

- Anh Hoàng Đình T không chăm sóc con chung, không chu cấp cho con kể từ khi vợ chồng sống ly thân; trước phiên tòa, chị yêu cầu phân chia tài sản chung vợ chồng và anh Hoàng Đình T cấp dưỡng nuôi con chung một lần nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận.

- Chị đã đề nghị thay đổi Thẩm phán chủ tọa nhưng không được giải quyết và Thẩm phán vẫn tiếp tục xét xử làm ảnh hưởng quyền, lợi ích hợp pháp của chị.

- Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên tòa xét xử không đúng thời gian như đã thông báo cho đương sự.

Tại phiên tòa, chị Nguyễn Thị Hải H thay đổi, bổ sung yêu cầu kháng cáo với nội dung: đề nghị được ly hôn với anh Hoàng Đình T; được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Hoàng Nguyễn Tuệ A, anh Hoàng Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị 05 năm/lần với mức 15.000.000đ/tháng đến khi cháu Tuệ A đủ 18 tuổi để cháu có điều kiện sinh sống, học tập tốt nhất tại Thành phố H, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết tài sản chung của chị với anh Hoàng Đình T.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thư ký, Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm cũng như tại phiên tòa phúc thẩm đã thực hiện đúng quy định của pháp luật. Các đương sự chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hải H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình. Chị Nguyễn Thị Hải H phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng

[1.1] Đơn kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hải H được làm trong thời hạn pháp luật quy định, đúng hình thức và nội dung theo quy định tại các Điều 272, 273, 276 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại Đơn khởi kiện, anh Hoàng Đình T yêu cầu Tòa án nhân dân huyện H tỉnh Ninh Bình giải quyết việc ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Hải H có hộ khẩu thường trú tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình. Ngày 22/6/2021, Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình thụ lý vụ án Hôn nhân và gia đình giữa nguyên đơn anh Hoàng Đình T, bị đơn chị Nguyễn Thị Hải H để giải quyết. Tại bản tự khai của chị Nguyễn Thị Hải H ngày 25/6/2021, Biên bản kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 29/6/2021 đều thể hiện chị Nguyễn Thị Hải H trú tại xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình nên Tòa án nhân dân huyện H tiếp tục giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.3] Sau khi tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chị Nguyễn Thị Hải H xuất trình các tài liệu, chứng cứ chứng minh nơi cư trú mới là xóm C, xã T, huyện T, thành phố H và có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện H chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo thẩm quyền. Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình không chấp nhận yêu cầu của chị Nguyễn Thị Hải H về việc chuyển thẩm quyền giải quyết vụ án là đúng quy định tại khoản 3 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung

[2.1] Về tình cảm: tại các bản tự khai ngày 25/6/2021, Biên bản hòa giải ngày 29/6/2021, anh Hoàng Đình T và chị Nguyễn Thị Hải H đều xác định anh, chị đăng ký kết hôn ngày 24/5/2019 tại Ủy ban nhân dân xã N, huyện H, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn. Như vậy, quan hệ hôn

nhân giữa anh Hoàng Đình T và chị Nguyễn Thị Hải H là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, không còn tin tưởng yêu thương, quan tâm đến nhau. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, anh Hoàng Đình T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn chị Nguyễn Thị Hải H; chị Nguyễn Thị Hải H xác nhận anh chị đã sống ly thân từ tháng 02/2021, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa phúc thẩm chị Nguyễn Thị Hải H thay đổi yêu cầu kháng cáo đồng ý ly hôn anh Hoàng Đình T. Bản án sơ thẩm đã cho anh Hoàng Đình T ly hôn chị Nguyễn Thị Hải H là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.2] Về việc nuôi dưỡng con chung sau khi ly hôn: anh Hoàng Đình T và chị Nguyễn Thị Hải H có 01 con chung là cháu Hoàng Nguyễn Tuệ A, sinh ngày 09/6/2020, hiện nay cháu đang ở cùng chị Nguyễn Thị Hải H. Anh Hoàng Đình T và chị Nguyễn Thị Hải H đều thống nhất giao con chung cho chị Nguyễn Thị Hải H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Hoàng Đình T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Bản án sơ thẩm đã giao cháu Hoàng Nguyễn Tuệ A, cho chị Nguyễn Thị Hải H trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tuệ A đủ 18 tuổi là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[2.3] Về mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn: tại các Bản tự khai, phiên tòa sơ thẩm và tài liệu, chứng cứ do anh Hoàng Đình T cung cấp thể hiện: anh là nhân viên Công ty S, thu nhập từ 6.000.000đ đến 8.000.000đ/tháng. Anh đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung là 5.000.000đ/tháng. Chị Nguyễn Thị Hải H đề nghị mức cấp dưỡng nuôi con chung là 15.000.000đ/tháng nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh thu nhập của anh Hoàng Đình T có khả năng cấp dưỡng nuôi con theo yêu cầu của chị. Tại phiên tòa sơ thẩm, anh Hoàng Đình T đề nghị phương thức cấp dưỡng nuôi con là 1 tháng/1 lần. Tuy nhiên, trong thời gian chuẩn bị xét xử sơ thẩm, anh Hoàng Đình T đã đề xuất cấp dưỡng nuôi con là 6 tháng/lần nên Tòa án cấp sơ thẩm xác định anh Hoàng Đình T có khả năng cấp dưỡng nuôi con 6 tháng/lần và buộc anh Hoàng Đình T cấp dưỡng nuôi con chung 6 tháng/lần là phù hợp và đảm bảo được sự chăm sóc ổn định đối với cháu Tuệ A. Chị Nguyễn Thị Hải H đề nghị anh Hoàng Đình T cấp dưỡng nuôi con chung 5 năm/lần là không có căn cứ chấp nhận. Bản án sơ thẩm đã buộc anh Hoàng Đình T phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị Nguyễn Thị Hải H với mức 5.000.000đ/tháng, 6 tháng cấp dưỡng một lần kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Tuệ A đủ 18 tuổi là đúng quy định của pháp luật.

[3] Về chia tài sản chung của vợ chồng khi ly hôn: trong đơn khởi kiện, tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/6/2021, Biên bản hòa giải ngày 25/6/2021 và Biên bản hòa giải ngày 08/7/2021, anh Hoàng Đình T chỉ yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh ly hôn chị Nguyễn Thị Hải H và giải quyết tranh chấp về nuôi con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung. Từ khi Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý vụ án đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải ngày 25/6/2021 chị Nguyễn Thị Hải H đều không yêu cầu Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng. Tại phiên tòa sơ thẩm ngày 15/4/2022, chị Nguyễn Thị Hải H và Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của chị Nguyễn Thị Hải H mới yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung vợ chồng. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Do chị Nguyễn Thị Hải H yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung của vợ chồng sau khi đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên không được chấp nhận giải quyết là đúng quy định của pháp luật. Trường hợp chị Nguyễn Thị Hải H có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng sau khi ly hôn thì có quyền khởi kiện bằng vụ án khác.

[4] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hải H, cần giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hải H không được chấp nhận nên chị Nguyễn Thị Hải H phải chịu án phí dân sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 148, khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Không chấp nhận kháng cáo của chị Nguyễn Thị Hải H; giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 04/2022/HNGĐ-ST ngày 15/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Ninh Bình.

2. Án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Hải H phải nộp 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng

án phí đã nộp theo biên lai số AA/2021/0002159 ngày 05 tháng 5 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Ninh Bình.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TANDCC tại Thành phố H;
- TAND huyện H;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- Chi cục THADS huyện H;
- Phòng KTNV-THA;
- Lưu hồ sơ, Văn phòng Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Tạ Văn Vinh